**Đặc tả UC Xoá tài khoản**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | **UC1010** | **Tên Use case** | **Xoá tài khoản** |
| **Tác nhân** | | Khách | |
| **Mục đích Use case** | | Xoá tài khoản khỏi hệ thống | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng xoá tài khoản | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã có tài khoản trong hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Tác nhân | Yêu cầu xoá tài khoản | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form yêu cầu tác nhân điền mật khẩu để xác minh | | 3 | Tác nhân | Điền mật khẩu để xác minh | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu có trùng khớp với trong CSDL hay không | | 5 | Hệ thống | Hiển thị thông báo xác nhận thật sự muốn xoá tài khoản hay không | | 6 | Tác nhân | Xác nhận xoá tài khoản | | 7 | Hệ thống | Xoá tài khoản thành công | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 4a | Hệ thống | thông báo lỗi: cần nhập đầy đủ các trường | | 4b | Hệ thống | thông báo lỗi: mật khẩu không trùng khớp, yêu cầu nhập lại | | 6a | Tác nhân | Tác nhân không xác nhận xoá tài khoản | | 6a1 | Hệ thống | Xoá tài khoản không thành công | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống xoá tài khoản người dùng khỏi cơ sở dữ liệu | |